

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI D&T**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI D&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D & T CONSTRUCTION INVESTMENT CONSULTING AND DEVELOPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108422984

3. Ngày thành lập: 04/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 46A, tập thể Licola, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902.099.222

Fax:

Email: d2t.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
4.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
5.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
6.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình điện	4221
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
13.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
14.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
15.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
16.	Tái chế phế liệu	3830

17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Bốc xếp hàng hóa (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	5224
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
31.	Quảng cáo	7310
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
33.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn du học - Tư vấn giáo dục	8560
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa chất, địa hình thủy văn, địa chất thủy văn các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng cụm dân cư; Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện, công nghiệp và cơ sở hạ tầng cụm dân cư; Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá vật liệu xây dựng của các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện; Kiểm định đánh giá chất lượng công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện, nền móng công trình; Thực hiện tư vấn giám sát và quản lý dự án các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện; Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đầu thầu; Thẩm tra thiết kế, tổng dự toán các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện. Quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng cơ sở giao thông, khu đô thị; Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường các công trình xây dựng giao thông, thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp.	7110
37.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
38.	Thu gom rác thải độc hại	3812
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
41.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
51.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
52.	Đúc sắt, thép	2431
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

56.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
57.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
58.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
59.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
60.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
61.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
64.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý	7020
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
66.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
68.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN TUẤN	đội 9, Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000.000	900.000.000	10,000	142508685	
			Tổng số	90.000.000	900.000.000	10,000		
2	LÊ VĂN DƯƠNG	Thôn Tây Lễ Văn, Xã An Đồng, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	630.000.000	6.300.000.000	70,000	034090006300	
			Tổng số	630.000.000	6.300.000.000	70,000		
3	VŨ THỊ TRANG	Thôn Đào Xá, Xã An Đồng, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000.000	1.800.000.000	20,000	152058834	
			Tổng số	180.000.000	1.800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034090006300

Ngày cấp: 17/05/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tây Lễ Văn, Xã An Đông, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 36 ngõ 30 Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội